

**CÁC TIÊU CHÍ THEO KẾ HOẠCH SỐ 39 KH/ĐU CỦA BTV ĐẢNG ỦY XÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ
QUYẾT 57 NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số/BC- UBND, ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Long Phụng)

Phụ lục 1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giao 2026	Kết quả đạt được 30/06/2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
A	Phát triển hạ tầng				
1	Phối hợp triển khai đảm bảo đạt tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	≥ 50%.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp VNPT, Viettel... triển khai trên địa bàn xã
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps trên địa bàn	%	≥ 70%.	70%	Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp VNPT, Viettel... triển khai trên địa bàn xã
B	Phát triển nguồn lực				
3	Tỷ lệ Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	≥ 80%.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	Tỷ lệ Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	> 80%.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
5	Tỷ lệ Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 90%.	90%	Phòng Văn hoá – Xã hội, Phòng Y tế, Công an, Trường học, Trạm Y tế
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính, chữ ký số và sử dụng thành thạo trong		100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
7	Thôn có Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động thường xuyên, hiệu quả.		100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội

1

1

1

1

1

1

1

8	Tỷ lệ hộ gia đình có ít nhất 01 người biết sử dụng dịch vụ công trực tuyến.		$\geq 70\%$	Đang triển khai thực hiện	Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp các Tổ chức chính trị - xã hội xã
9	Tỷ lệ người dân sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch phổ biến.		$\geq 60\%$.	Đang triển khai thực hiện	Phòng Văn hoá – Xã hội phối hợp với các Ngân hàng
C	Phát triển chuyển đổi số				
*	Chính quyền số				
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	%	70%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
12	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	%	$\geq 70\%$.	94,65%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
13	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	%	$\geq 70\%$.	99,72%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
14	Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	$\geq 80\%$.	99,42%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
15	Tỷ lệ Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	$\geq 70\%$.	88,76%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
16	Tỷ lệ dữ liệu của các ngành ở xã được tích hợp liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	%	$\geq 60\%$.	70%	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã
17	Văn bản trao đổi trong nội bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị của xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật).	%	100%.	100%.	Văn phòng HĐND & UBND xã

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

18	Hồ sơ công việc tại Ủy ban nhân dân xã được xử lý trên môi trường mạng.	%	≥ 90%	100%.	Văn phòng HĐND &UBND xã
19	Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.		Đạt	Đạt	Văn phòng HĐND &UBND xã
**	Kinh tế số				
20	Doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.	%	≥ 20%.	51%	Phòng Kinh tế
21	Triển khai ít nhất 01 - 02 mô hình ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp (như <i>sổ tay điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm</i>).	Mô hình	2	Đang triển khai thực hiện	Phòng Kinh tế và Trung tâm cung ứng dịch vụ công
22	Sản phẩm chủ lực của địa phương được quảng bá, tiêu thụ trên các nền tảng số.	%	≥ 50%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Trung tâm cung ứng dịch vụ công
***	Xã hội số				
23	Người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID.	%	≥ 85%.	90%	Công an xã
D	An toàn thông tin				
24	Hệ thống thông tin của xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và thực hiện bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	%	Đạt	Đạt	Công an xã

* Đạt 21/24

1

1

1

1

1

1

1

20

4

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 57 NĂM 2026 T

(Kèm theo Báo cáo số /BC- UBND, ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Lor

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chi tiêu giao năm 2026	Kết quả đạt được 30/06/2026
I	Phát triển hạ tầng			
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động (5G)	% dân số	≥ 70	50%
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 GBps	%	≥ 70	70%
II	Phát triển nguồn lực			
1	Tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% tổng chi cân đối NSDP	$\geq 1,1$	Đang triển khai thực hiện
2	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% GRDP	3	Đang triển khai thực hiện
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.	%	100	100%
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	100%
III	Phát triển chuyển đổi số			

1	Có ít nhất 01 - 02 mô hình ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp (như sổ tay điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm).	Mô hình	Đạt	Đang triển khai thực hiện
2	Khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ trong giải quyết công việc.	Thực hiện	Đạt	Đang triển khai thực hiện
3	Sử dụng một số công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	Thực hiện	Đạt	Đang triển khai thực hiện
4	Có $\geq 35\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hợp tác xã ở địa phương ứng dụng công nghệ số.	Hoàn thành	Đạt	Đạt
5	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính	%	100	100
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	100
7	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	≥ 80	94,65%
8	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥ 80	99,72
9	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥ 80	88,76

10	Khai thác dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	%	≥ 70	70
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 90	90
12	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID	%	≥ 90	90
13	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	%	≥ 5	10
14	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử	%	50	100
15	Tỷ lệ chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	70	Đang triển khai thực hiện
16	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	70	100
17	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	60	60
18	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	83	86

19	Tham gia các hoạt động kinh tế số như thương mại điện tử, dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, nền tảng số... để góp phần cùng với tỉnh Quảng Ngãi, tỉ trọng tăng thêm kinh tế số trong GRDP	%GRDP	12	Đang triển khai thực hiện
20	Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần cùng với tỉnh Quảng Ngãi, tỉ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GRDP	%GRDP	12	Đang triển khai thực hiện
21	Nâng cao năng suất làm việc của cán bộ, công chức, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần cùng tỉnh Quảng Ngãi, tỉ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	41	Đang triển khai thực hiện
22	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử	%	100	100
23	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	%	≥ 80	100
24	Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	%	≥ 80	100%

25	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	%	≥ 95	98
26	Theo dõi, giám sát và đánh giá nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn Thông tin, số liệu được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan.	%		100%

Đạt 23/32

TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(ng Phụng)

Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
Phòng Văn hoá - Xã hội phối hợp với các đơn vị viễn thông
Phòng Kinh tế, Phòng Văn hoá - Xã hội
Phòng Kinh tế, Phòng Văn hoá - Xã hội
Phòng Văn hoá - Xã hội
Các cơ quan, đơn vị thuộc xã

Phòng Kinh tế

Các cơ quan, đơn vị thuộc xã

Các cơ quan, đơn vị thuộc xã

Phòng Kinh tế

Trung tâm Phục vụ Hành chính
công

Các Phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị có liên quan
Phòng Văn hoá – Xã hội, Phòng Y tế, Công an, Trường học, Trạm Y tế
Công an xã
Công an xã; Phòng Văn hoá – Xã hội;
Văn phòng HĐND&UBND
Văn phòng HĐND&UBND
Văn phòng HĐND&UBND
Phòng Văn hoá – Xã hội phối hợp với các Ngân hàng
Phòng Văn hoá – Xã hội; Trạm Y tế

Phòng Kinh tế

Các cơ quan, đơn vị thuộc xã

Phòng Kinh tế

Văn phòng HĐND&UBND

Các cơ quan, đơn vị thuộc xã

Phòng Kinh tế; Trung tâm Phục
vụ Hành chính công

Trung tâm Phục vụ Hành chính
công

Phòng Văn hoá – Xã hội